

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2026/DS-ST
Ngày: 09 - 7 - 2026
V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;
2. Bà Nguyễn Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thái An – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Chu Văn T**, sinh năm 1986;
Cư trú tại: Tổ B, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
2. *Bị đơn:* Anh **Lê Ngọc H**, sinh năm 1990;
Cư trú tại: Tổ B, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Chu Văn T trình bày:

Anh và anh Lê Ngọc H là có quen biết nhau. Vào ngày 20/6/2025 anh H có hỏi vay anh số tiền 30.000.000 đồng để xoay trở làm ăn, hẹn 05 tháng sau sẽ trả lại. Anh đồng ý cho vay nên vào lúc 13 giờ 58 phút, ngày 20/6/2025 anh đã chuyển khoản số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng từ tài khoản của anh với số tài khoản 0335601202 ngân hàng Q (MB) sang tài khoản của anh Lê Ngọc H số

0281000341891 Ngân hàng V (VCB) và định ngày anh H trả lại số tiền là ngày 20/11/2025. Lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/1 tháng, tiền lãi trả hàng tháng.

Sau khi vay tiền, anh H có trả tiền lãi được 01 tháng đầu là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng, không làm giấy nhận. Từ tháng thứ 02 anh H không trả tiền lãi, anh có đòi nhưng anh H không trả cả gốc và lãi.

Anh khởi kiện yêu cầu anh H hoàn trả số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, yêu cầu tính tiền lãi 1,66%/1 tháng.

Vào ngày 09/7/2026 anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 4.000.000 đồng do anh H có trả cho anh trong quá trình giải quyết vụ án.

Nay anh yêu cầu anh Lê Ngọc H hoàn trả số tiền nợ còn lại 26.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Ngọc H nhưng anh H cố tình vắng mặt nên không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, hòa giải.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – anh Chu Văn T: có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn – anh Lê Ngọc H: vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: qua công tác kiểm sát xét thấy từ khi thụ lý vụ án, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, chuyển hồ sơ vụ án, quá trình thu thập chứng cứ, lấy lời khai hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các bên đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Chu Văn T, buộc anh Lê Ngọc H phải trả cho anh Chu Văn T số tiền nợ vay gốc 26.000.000 đồng, ghi nhận anh T không yêu cầu tính lãi.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Chu Văn T yêu cầu anh Lê Ngọc H hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi.

Về án phí: anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Chu Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Chu Văn T yêu cầu anh Lê Ngọc H hoàn trả số tiền nợ vay gốc 26.000.000 đồng, xét thấy:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh T cung cấp sao kê giao dịch chuyển khoản ngày 20/6/2025 số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng từ tài khoản của anh T với số tài khoản 0335601202 ngân hàng Q (MB) sang tài khoản của anh Lê Ngọc H số 0281000341891 Ngân hàng V (VCB), trong nội dung có ghi “Chu Văn T cho mượn tiền thời hạn 5 tháng sẽ trả tính từ ngày 20/6/2025 đến ngày 20/11/2025 sẽ trả” (bút lục số 17). Như vậy việc anh T chuyển tiền cho anh H vay số tiền 30.000.000 đồng là có thật, các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi suất. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện sau khi vay tiền anh H còn hộ khẩu thường trú nhưng không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Do đó, việc anh H có tình vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, anh T thừa nhận vào ngày các 06/4/2026, ngày 07/5/2026, ngày 05/6/2026, ngày 06/7/2026 anh H có chuyển khoản trả cho anh được mỗi tháng 1.000.000 đồng, hiện đã trả 4.000.000 đồng nên anh T xác định hiện anh H chỉ còn nợ gốc 26.000.000 đồng.

[2.3] Về tiền lãi: Anh T cho rằng khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất miệng 3%/tháng và suốt quá trình vay anh H chỉ trả cho anh được 900.000 đồng tiền lãi, nay anh không yêu cầu tính tiền lãi nữa.

[2.4] Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng, ghi nhận anh T không yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Về án phí:

Theo quy tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Anh Lê Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 26.000.000 đồng x 5 % = 1.300.000 đồng.

[4] Do đó đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Tây Ninh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chu Văn T đối với anh Lê Ngọc H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh anh Lê Ngọc H có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Chu Văn T số tiền 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng. Ghi nhận anh T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày anh Chu Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Ngọc H không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng anh H phải trả cho anh T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Chu Văn T yêu cầu anh Lê Ngọc H hoàn trả số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Ngọc H phải chịu 1.300.000 (một triệu, ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Chu Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho Chu Văn T số tiền 820.000 (tám trăm, hai mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0002864 ngày 06/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 34, 36 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 11- TN;
- THADS tỉnh TN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Mai Thị Kim Thu